Phong cách báo chí Hồ Chí Minh: đặc trưng và giá trị đối với báo chí Việt Nam hiện nay

Ho Chi Minh's journalistic style: Characteristics and contemporary relevance to Vietnamese journalism

ThS. VƯƠNG KHÁNH LY
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông; Email: yvk@ptit.edu.vn
Ngày nhận bài: 16/07/2026 Ngày phản biện: 17/08/2026 Ngày duyệt đăng: 20/9/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: *Bài viết nhận diện đặc trưng của phong cách báo chí Hồ Chí Minh và phân tích giá trị đối với báo chí Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu phân biệt các bài nói, chỉ dẫn về báo chí dùng để xác lập khung nhận diện với các tác phẩm báo chí trong Hồ Chí Minh toàn tập dùng làm ngữ liệu chính. Bằng phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích văn bản, so sánh và tổng hợp theo chủ đề, bài viết làm rõ bốn đặc trưng: nhất quán về lập trường cách mạng và phục vụ nhân dân; hướng tới công chúng, sử dụng ngôn ngữ đại chúng; tổ chức thông tin cô đọng, dựa trên sự thật và chứng cứ; linh hoạt về thể loại, kết cấu và giọng điệu. Kết quả cho thấy phong cách báo chí Hồ Chí Minh thống nhất mục đích, phương pháp và hình thức biểu đạt. Những đặc trưng ấy giúp báo chí Việt Nam giữ vững mục tiêu xã hội, hiểu công chúng, tăng cường kiểm chứng, nâng cao năng lực giải thích và đổi mới hình thức trong môi trường số.*
Từ khóa: *Hồ Chí Minh; phong cách báo chí; báo chí cách mạng; công chúng báo chí; truyền thông số.*

Abstract: *This article identifies the characteristics of Ho Chi Minh's journalistic style and analyzes their relevance to Vietnamese journalism today. The study distinguishes between his speeches and guidance on journalism, which are used to establish an analytical framework, and the journalistic works included in the Ho Chi Minh Complete Works, which serve as the primary corpus. Through document research, textual analysis, comparison, and thematic synthesis, the article identifies four characteristics: consistency in revolutionary orientation and service to the people; an audience-oriented approach and the use of accessible language; concise information organization based on facts and evidence; and flexibility in genre, structure, and tone. The findings show that Ho Chi Minh's journalistic style integrates purpose, method, and form of expression. These characteristics help Vietnamese journalism maintain its social objectives, understand its audiences, strengthen verification practices, enhance its explanatory capacity, and innovate its forms of expression in the digital environment.*
Keywords: *Ho Chi Minh; journalistic style; revolutionary journalism; press audiences; digital communication.*

1. Đặt vấn đề

Hồ Chí Minh hoạt động báo chí trong khoảng nửa thế kỷ, trên nhiều diễn đàn, bằng nhiều ngôn ngữ, bút danh và thể loại. Từ các bài viết trên L'Humanité, Le Paria đến Thanh Niên, Việt Nam độc lập, Cứu quốc, Sự thật và Nhân Dân, báo chí luôn gắn với những nhiệm vụ thực tiễn: tố cáo chế độ thực dân, truyền bá tư tưởng cách mạng, tập hợp lực lượng, cổ vũ kháng chiến, kiến thiết đất nước, giáo dục cán bộ và tranh thủ dư luận quốc tế. Phạm vi hoạt động rộng và hoàn cảnh sáng tác liên tục thay đổi đặt ra một câu hỏi quan trọng: yếu tố nào tạo nên sự thống nhất và khả năng nhận diện trong hệ thống tác phẩm báo chí rất đa dạng ấy?

Các nghiên cứu của Hà Minh Đức (2000), Nguyễn Thành (2005) và Đỗ Chí Nghĩa (2014) đã làm rõ tính cách mạng, tính nhân dân, sự ngắn gọn, giản dị, chính xác và khả năng vận dụng linh hoạt nhiều hình thức của báo chí Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, một số nghiên cứu còn

trình bày các phẩm chất như một danh mục, chưa giải thích đầy đủ quan hệ giữa lập trường tư tưởng, phương pháp tiếp cận hiện thực và lựa chọn văn bản.

Phong cách báo chí trong bài viết này được hiểu là một chỉnh thể gồm những đặc tính nổi bật, độc đáo và tương đối ổn định trong hoạt động sáng tạo báo chí của nhà báo, thể hiện sự nhất quán giữa thế giới quan, mục đích cầm bút, phương thức tiếp cận hiện thực và hình thức biểu đạt; qua đó tạo nên dấu ấn cá nhân và hiệu quả tác động xã hội. Từ cách tiếp cận trên, bài viết trả lời hai câu hỏi: Những đặc trưng nào được lặp lại tương đối ổn định trong các tác phẩm báo chí của Hồ Chí Minh? Những đặc trưng ấy tạo ra giá trị tham chiếu gì đối với báo chí Việt Nam trong môi trường truyền thông số? Điểm mới của bài viết là phân biệt rõ căn cứ lý luận với ngữ liệu chứng minh: lời nói, chỉ dẫn về báo chí được dùng để xác lập nguyên tắc; còn kết luận về phong cách được rút ra chủ yếu từ việc phân tích, đối chiếu các tác phẩm báo chí cụ thể.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng cách tiếp cận định tính, kết hợp nghiên cứu tài liệu, phân tích văn bản, so sánh và tổng hợp theo chủ đề. Nguồn sơ cấp là các tác phẩm được in trong *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản lần thứ ba năm 2011. Tư liệu được chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất gồm các bài nói, chỉ dẫn về mục đích, công chúng và quy trình viết báo, được sử dụng để hình thành khung phân tích. Nhóm thứ hai gồm các tác phẩm báo chí thuộc nhiều giai đoạn, đề tài và thể loại, được dùng làm ngữ liệu chứng minh trực tiếp.

Ngữ liệu được lựa chọn có chủ đích theo bốn điều kiện: xác định được tên tác phẩm và nguồn công bố; có chi tiết văn bản đủ để phân tích; đại diện cho những nhiệm vụ giao tiếp, nhóm công chúng và hình thức thể hiện khác nhau; cho phép đối chiếu để nhận ra yếu tố ổn định và yếu tố biến đổi. Đơn vị phân tích gồm đề tài, góc tiếp cận, chi tiết, nguồn tin, luận điểm, kết cấu, từ ngữ, câu văn, giọng điệu và lời định hướng hành động. Mỗi nhận định về phong cách được xây dựng theo trình tự: nêu biểu hiện, đưa tác phẩm và trích dẫn, phân tích cơ chế biểu hiện, đối chiếu với tác phẩm khác và khái quát thành đặc trưng. Do sử dụng mẫu văn bản có chủ đích, kết quả không nhằm thống kê toàn bộ di sản báo chí Hồ Chí Minh mà nhận diện những đặc điểm có tính hệ thống và khả năng kiểm chứng từ văn bản.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Những đặc trưng cơ bản của phong cách báo chí Hồ Chí Minh

3.1.1. Nhất quán về lập trường cách mạng và phục vụ nhân dân

Lập trường cách mạng trong phong cách báo chí Hồ Chí Minh trước hết biểu hiện ở cách lựa chọn và đánh giá hiện thực. Sự kiện không được phản ánh như hiện tượng đứng riêng lẻ mà được đặt trong quan hệ với độc lập dân tộc, quyền lợi của nhân dân và nhiệm vụ thay đổi xã hội.

Bài *Dân vận*, đăng trên báo *Sự thật*, số 120, ngày 15/10/1949, thể hiện tập trung điểm nhìn ấy. Hồ Chí Minh viết: "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân", đồng thời khẳng định "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân" (Hồ Chí Minh, 2011, T.6). Từ "dân" được đặt ở vị trí kết thúc hai câu song hành, trở thành tiêu chuẩn để đánh giá tổ chức và phương pháp công tác. Phần tiếp theo không dừng ở tuyên bố mà chuyển thành chuỗi hành động cụ thể: "óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm" (Hồ Chí Minh, 2011,T.6). Điểm nhìn vì nhân dân vì thế được biểu hiện đồng thời trong nội dung và kết cấu: nhân dân là chủ thể quyền lực, nguồn cung cấp tri thức thực tế và thước đo hiệu quả của hoạt động xã hội.

Trong *Thế giới đại chiến và phận sự dân ta*, đăng trên *Việt Nam độc lập*, số 113, ngày 21/12/1941, Hồ Chí Minh bắt đầu từ tình hình chiến tranh thế giới, phân biệt "phe đi xâm lấn" với "phe chống xâm lấn", sau đó phân tích nguy cơ chiến tranh lan tới Việt Nam. Tác phẩm không kết thúc ở dự báo mà chuyển sang nhiệm vụ của từng lực lượng xã hội và lời thúc giục: "Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi, mau mau đoàn kết lại!!!" (Hồ Chí Minh, 2011, T.3). Kết cấu từ thông tin quốc tế đến quyền lợi dân tộc, rồi từ nhận thức đến tổ chức hành động, cho thấy tác giả tiếp cận thời cuộc từ câu hỏi: sự kiện này có ý nghĩa gì với nhân dân và nhân dân cần làm gì.

Ở giai đoạn chống Mỹ, lập trường ấy tiếp tục được duy trì nhưng hình thức biểu đạt thay đổi. Trong *Rõ như ban ngày*, Hồ Chí Minh gọi đúng quan hệ giữa các bên: "Giặc Mỹ là kẻ xâm lược; Việt Nam là bị xâm lược" (Hồ Chí Minh, 2011, T.15). Phán đoán ngắn loại bỏ cách đánh đồng trách nhiệm giữa kẻ xâm lược và dân tộc chống xâm lược. Từ một chuẩn mực đạo lý phổ quát, bài viết đi đến kết luận rằng muốn có hòa bình thì lực lượng xâm lược phải chấm dứt chiến tranh và rút khỏi miền Nam Việt Nam. So với bài viết năm 1941, đối tượng và hoàn cảnh đã thay đổi, nhưng điểm nhìn vẫn nhất quán: phân tích sự kiện từ quyền tự quyết của dân tộc và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Tính chiến đấu đồng thời gắn với mục tiêu xây dựng. *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*, đăng trên báo *Nhân Dân* ngày 03/02/1969, ghi nhận cán bộ, đảng viên tận tụy trước khi chỉ ra biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Yêu cầu đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng và nhân dân lên trên hết, trước hết đi cùng các giải pháp rèn luyện đạo đức, tăng cường kỷ luật, đi sâu thực tế và tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân (Hồ Chí Minh, 2011, T.15). Phê bình nhằm sửa chữa và củng cố năng lực phục vụ. Qua các thời kỳ, ngòi bút của Người luôn có lập trường rõ, lấy nhân dân làm điểm quy chiếu và hướng nhận thức tới hành động.

3.1.2. Hướng tới công chúng và sử dụng ngôn ngữ đại chúng

Tính đại chúng trong phong cách Hồ Chí Minh không đồng nghĩa với đơn giản hóa nội dung hoặc chiều theo thị hiếu. Đó là năng lực chuyển vấn đề chính trị, kinh tế và đạo đức thành hình thức phù hợp với vốn sống, trình độ và điều kiện tiếp nhận của từng nhóm công chúng. Công chúng vì thế tham gia định hình từ vựng, hình ảnh, nhịp câu, thể loại và mức độ giải thích của tác phẩm.

Bài thơ báo chí *Hòn đá*, đăng trên *Việt Nam độc lập*, số 123, ngày 21/4/1942, mở đầu: "Hòn đá to, / Hòn đá nặng, / Chỉ một người, / Nhắc không đặng" (Hồ Chí Minh, 2011, T.3). Từ một hình ảnh lao động quen thuộc, tác giả lần lượt đặt một người, ít người và nhiều người trước cùng một vật cản để làm rõ quan hệ giữa sức riêng và sức mạnh đoàn kết. Sau đó, ý nghĩa được chuyển trực tiếp sang nhiệm vụ "đánh Nhật, Pháp/ Giành tự do". Câu thơ phần lớn chỉ ba hoặc bốn tiếng, có lặp, vần và nhịp gần với vè dân gian, phù hợp với việc đọc thành tiếng và truyền miệng. Hình thức dân gian không phải lớp trang trí mà là công cụ tổ chức nhận thức và trí nhớ trong điều kiện trình độ đọc viết của công chúng chưa đồng đều.

Khi viết cho nông dân, Hồ Chí Minh sử dụng chính thế giới lao động của họ. Trong *Cần phải đẩy mạnh phong trào cải tiến nông cụ*, đăng trên báo *Nhân Dân*, số 2270, ngày 06/6/1960, tác giả đi từ tình trạng người nông dân làm lụng vất vả nhưng năng suất thấp do nông cụ lạc hậu. Những công việc gánh phân, đưa mạ, cấy, gặt, tát nước, bừa đất được đặt cạnh số liệu về năng suất của xe cút kít và công cụ cải tiến. Chẳng hạn, xe cút kít có thể đạt năng suất gấp ba, bốn lần gánh bằng đòn; công cụ cấy đạt năng suất gấp năm, sáu lần cấy tay (Hồ Chí Minh, 2011, T.12). Thuật ngữ kỹ thuật được diễn giải bằng thời gian, sức lao động và thao tác mà người nông dân có thể hình dung, nhờ đó chủ trương cải tiến công cụ trở thành lợi ích thiết thực.

Với công nhân, hệ từ vựng và chi tiết lại thay đổi. *Cần cù và sáng tạo*, đăng trên báo *Nhân Dân*, số 2168, ngày 24/02/1960, nêu trường hợp hai công nhân Tộ và Lục ở Nhà máy Cơ khí Gia Lâm: cắt que hàn thủ công chỉ đạt 17 kilôgam mỗi người một ngày, nhưng sau khi chế tạo máy cắt từ sắt vụn, năng suất đạt 90 kilôgam. Từ sự việc, Hồ Chí Minh khái quát: "Công cụ nào, năng suất ấy" (Hồ Chí Minh, 2011, T.12). Câu kết ngắn và có nhịp, nhưng phần trước đã cung cấp nhân vật, thao tác và kết quả đo đếm được. Bài báo vì vậy vừa nói bằng ngôn ngữ nghề nghiệp của công nhân, vừa đưa sáng kiến cá nhân thành bài học chung về làm chủ kỹ thuật.

Tính đại chúng còn biểu hiện ở việc lựa chọn chi tiết nhỏ nhưng có khả năng thể hiện chuẩn mực xã hội. Trong Cái gậy và con gà, đăng trên Báo Nhân Dân, số 232, ngày 27-28/9/1954, Hồ Chí Minh kể chuyện một bà cụ giúp tù binh Pháp chiếc gậy và một người lái xe dừng lại để đuổi con gà khỏi đường. Từ hành vi ấy, một tù binh nhận xét: "Bộ đội Việt Nam thương dân, tôn trọng của dân" (Hồ Chí Minh, 2011, T.9). Chiếc gậy và con gà trở thành bằng chứng về lòng nhân hậu và kỷ luật của con người Việt Nam; bài học được để cho nhân vật và chi tiết tự nói thay vì áp đặt bằng diễn giải dài.

3.1.3. Tổ chức thông tin cô đọng, dựa trên sự thật và chứng cứ

Sự ngắn gọn trong phong cách báo chí Hồ Chí Minh là kết quả của việc lựa chọn và phân cấp thông tin, không phải giảm chữ cơ học. Một văn bản có thể ngắn hoặc dài tùy nhiệm vụ, nhưng các chi tiết đều phải phục vụ luận đề. Cô đọng còn gắn chặt với chứng cứ: lời bình càng ngắn thì dữ kiện càng phải rõ.

Một hợp tác xã gương mẫu, đăng trên Báo Nhân Dân, số 2489, ngày 11/01/1961, lấy Đại Phong làm đối tượng trung tâm và tổ chức thông tin theo tiến trình tăng trưởng. Chuỗi 23, 33, 44, 135 rồi 455 hộ, cùng số liệu về diện tích, sản lượng và phân phối, chứng minh hiệu quả của hợp tác xã trước khi tác giả khái quát các nguyên nhân như đoàn kết, tổ chức khéo và quyết tâm (Hồ Chí Minh, 2011, T.13). Ngược lại, Một hợp tác xã không gương mẫu, đăng trên Báo Nhân Dân, số 2503, ngày 25/01/1961, nêu trường hợp T.B., chỉ ra tình trạng thiếu dân chủ, phân phối không minh bạch và lãnh đạo lỏng lẻo, nhằm giúp T.B. sửa chữa và nơi khác tránh sai lầm (Hồ Chí Minh, 2011, T.13). Hai bài trái chiều nhưng

cùng một nguyên tắc: chọn trường hợp, cung cấp chứng cứ, phân tích nguyên nhân và hướng tới học tập hoặc sửa chữa.

Trong *Tết trồng cây*, đăng trên báo *Nhân Dân*, số 3228, ngày 27/01/1963, Hồ Chí Minh nêu tên, tuổi, địa phương và kết quả của từng người: Cao Xuân Nhĩ dù mù hai mắt vẫn đào hơn 1.000 hố; Lê Thị Mừng trồng 5.000 cây trên đất xấu; cụ Nguyễn Yên, 65 tuổi, trồng và chăm sóc gần 5.000 cây (Hồ Chí Minh, 2011, T.14). Số liệu gắn với hoàn cảnh nhân vật vừa kiểm chứng thành tích vừa chứng minh nhiều nhóm xã hội có thể tham gia. Bài sau đó chuyển sang biện pháp chọn cây, huy động lực lượng, bảo vệ và kiểm tra kết quả, khiến chi tiết đồng thời thực hiện chức năng thông tin, thuyết phục và hướng dẫn hành động.

Kỷ luật chứng cứ còn thể hiện rõ trong bút chiến. Đạo đức Mỹ, đăng trên Báo Nhân Dân, số 2860, ngày 20/01/1962, dẫn các trường hợp về sách báo đồi trụy, bạo lực, tội phạm và tâm lý ích kỷ rồi mới kết luận: "Lợi tạo trước hết, ai chết mặc ai. Đạo đức Mỹ là như thế đó" (Hồ Chí Minh, 2011, T.13). Sức châm biếm hình thành từ khoảng cách giữa khái niệm "đạo đức" và chuỗi dữ kiện. Trong Vì sao đế quốc Mỹ thích chiến tranh, sợ hòa bình?, đăng trên Báo Nhân Dân, số 825, ngày 07/6/1956, chi tiết một kho hải quân Mỹ có "11 triệu cái nĩa ăn hàu" được đặt trong hệ tư liệu về hợp đồng quân sự và quan hệ giữa tướng lĩnh với các tập đoàn vũ khí (Hồ Chí Minh, 2011, T.10). Chi tiết gây cười đồng thời chứng minh cơ chế trục lợi và lãng phí của nền kinh tế chiến tranh.

Sự cô đọng và kiểm chứng bổ sung cho nhau: chi tiết rõ ràng tránh lời bình suông, còn kết cấu gọn làm rõ quan hệ giữa chứng cứ với kết luận. Hồ Chí Minh tổ chức số liệu thành quá trình, tương quan hoặc nghịch lý để người đọc nhận ra bản chất.

3.1.4. Linh hoạt về thể loại, kết cấu và giọng điệu

Tính ổn định của phong cách Hồ Chí Minh không dẫn tới sự lặp lại một mô hình. Người lựa chọn hình thức theo đối tượng, mục đích và bản chất tư liệu. Khi cần giải thích, tác phẩm có thể tổ chức theo hỏi - đáp hoặc từ trường hợp đến nguyên tắc; khi bút chiến, Người sử dụng nghịch lý, đối lập và tiếng cười; khi nêu gương, hành động và kết quả được đặt trước lời khái quát; khi đối thoại quốc tế, câu trả lời ngắn nhưng chủ động điều chỉnh tiền đề của câu hỏi.

Tác phẩm văn xuôi chính luận - trào phúng Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu, đăng trên Le Paria, số 36-37, tháng 9-10/1925, được xây dựng như một "tấn kịch chính trị. Va-ren nói dài, dụ dỗ và tự phô bày sự phản bội; Phan Bội Châu chủ yếu đáp lại bằng im lặng. Cuối tác phẩm, những lời kể nửa xác nhận, nửa giả định về nụ cười khinh bỉ hoặc hành động "nhổ vào mặt Va-ren" tăng sắc thái trào phúng (Hồ Chí Minh, 2011, T.2). Tác giả để đối thoại, im lặng và tương phản thực hiện chức năng chính luận thay cho lời thuyết giải trực tiếp.

Trong tiểu phẩm báo chí, chất liệu bút chiến chuyển mạnh sang tin tức và số liệu. Kiên quyết ủng hộ Đảng Cộng sản Mỹ, đăng trên Báo Nhân Dân, số 2868, ngày 28/01/1962, đặt tượng "Thần Tự do" bên dự định lập "trại tập trung" để giam những người cộng sản và tiến bộ. Hồ Chí Minh viết: "Thần Tự do" chỉ là một khối đá không tri giác. Trại tập trung thì lúc nhúc những người bị giam cầm" (2011, T.13). Hai hình ảnh đối nghịch làm lộ khoảng cách giữa lời tự quảng bá về tự do và chính sách đàn áp; phần sau mới bổ sung đạo luật, sự kiện và phản ứng dư luận. Dù chất liệu khác tác phẩm năm 1925, cấu trúc sâu vẫn là phát hiện mâu thuẫn và để đối tượng tự bộc lộ qua chứng cứ.

Ở dạng bài nêu gương, giọng điệu mềm hơn. Ngô Gia Khảm, đăng trên Báo Nhân Dân, số 60, ngày 05/6/1952, nêu quá trình nhân vật tìm nguyên liệu, cải tiến sản xuất và khái quát phẩm chất: "Không sợ khổ, vượt mọi khó khăn, kiên quyết làm vượt mức nhiệm vụ" (Hồ Chí Minh, 2011, T.7, tr.420). Trần Đại Nghĩa, đăng trên Báo Nhân Dân, số 61, ngày 12/6/1952, tạo điểm nhớ bằng câu: "Đồng chí rất giỏi về khoa học máy, nhưng lúc thực hành thì không "máy móc"" (Hồ Chí Minh, 2011, T.7). Giọng biểu dương không tô vẽ nhân vật; phẩm chất được chứng minh bằng công việc, khó khăn và kết quả nên có khả năng giáo dục bằng nêu gương.

Sự linh hoạt còn thể hiện trong Trả lời phỏng vấn của báo France Tireur, được Báo Cứu quốc, số 1396, đăng ngày 15/11/1949. Trước giả định Việt Nam không còn muốn thương lượng, Hồ Chí Minh chuyển khung trả lời sang quan hệ giữa hai dân tộc: "Nhân dân Việt Nam lúc nào cũng sẵn sàng hợp tác thân ái với nhân dân Pháp". Nhưng trước đề nghị để đại diện chính quyền Bảo Đại tham gia hội nghị, Người đáp: "Chúng tôi không dây với bọn phản quốc" (Hồ Chí Minh, 2011, T.6). Hai câu trả lời cho thấy sự mềm dẻo trong đối thoại luôn đi cùng giới hạn nguyên tắc và lợi ích dân tộc.

Chính luận, tiểu phẩm, bài nêu gương, thơ báo chí và phỏng vấn có hình thức khác nhau nhưng cùng tuân theo nguyên tắc: hình thức phục vụ nội dung, công chúng và hiệu quả tác động. Giọng điệu thay đổi theo

quan hệ với đối tượng; khả năng biến đổi trong một hệ giá trị ổn định là dấu hiệu của phong cách trưởng thành.

3.2. Giá trị đối với báo chí Việt Nam hiện nay

Các đặc trưng trên chỉ trở thành giá trị tham chiếu khi được tiếp nhận ở cấp độ nguyên tắc, không phải sao chép câu chữ của một thời kỳ. *Trước hết,* điểm nhìn vì nhân dân đòi hỏi cơ quan báo chí đánh giá đề tài không chỉ bằng lưu lượng truy cập mà bằng mức độ liên quan đến quyền lợi công chúng, lợi ích cộng đồng và vấn đề cần giải quyết. Trong cạnh tranh chú ý, nguyên tắc này giúp phân biệt phục vụ công chúng với chạy theo thị hiếu và khai thác cảm xúc cực đoan.

Thứ hai, sản phẩm phải được tổ chức từ đặc điểm công chúng. Hiểu công chúng không chỉ là biết độ tuổi, địa bàn hay số liệu tương tác, mà còn phải hiểu vốn sống, trình độ, hoàn cảnh tiếp nhận và khả năng hành động. Vì vậy, lựa chọn video ngắn, long-form, đồ họa dữ liệu hay podcast phải bắt đầu từ vấn đề và đối tượng, không phải từ công nghệ đang thịnh hành.

Thứ ba, ngắn gọn phải thống nhất với đầy đủ chứng cứ. Nền tảng số khuyến khích nội dung ngắn, nhưng rút gọn dễ dẫn đến tiêu đề cường điệu hoặc mất ngữ cảnh. Từ thực hành của Hồ Chí Minh, ngắn gọn là nắm đúng điểm chính, phân cấp thông tin và loại bỏ phần không có chức năng. Một bản tin ngắn vẫn phải nêu nguồn, thời điểm, phạm vi và mức độ chắc chắn; bài dài phải làm rõ quan hệ giữa dữ kiện với kết luận.

Thứ tư, sức chiến đấu phải dựa trên kiểm chứng và trách nhiệm giải trình. Việc Hồ Chí Minh dùng tên người, địa chỉ, số liệu và cả nguồn tin của đối phương cho thấy lập trường chỉ thuyết phục khi được bảo đảm bằng sự thật. Trước tin giả và nội dung tổng hợp bằng trí tuệ nhân tạo, công nghệ có thể hỗ trợ tìm kiếm, phiên âm và so sánh, nhưng nhà báo vẫn phải kiểm tra nguồn gốc, ngữ cảnh, động cơ của nguồn tin, hệ quả công bố và minh bạch sửa chữa sai sót.

Thứ năm, đổi mới hình thức phải gắn với bản sắc và chuẩn mực. Việc Hồ Chí Minh sử dụng nhiều thể loại, thay đổi giọng điệu theo công chúng và chuyển hóa chất liệu dân gian thành phương tiện giải thích gợi mở cho báo chí dữ liệu, sản phẩm đa phương tiện và kể chuyện tương tác. Tuy nhiên, đổi mới chỉ có ý nghĩa khi làm rõ sự thật, mở rộng quyền tiếp cận thông tin và tăng khả năng tham gia của công chúng; hình thức thu hút nhưng làm mờ nguồn hoặc thao túng cảm xúc đi ngược tinh thần ấy.

4. Kết luận

Phân tích các tác phẩm báo chí thuộc nhiều giai đoạn, thể loại và nhóm công chúng cho thấy phong cách báo chí Hồ Chí Minh là một chỉnh thể thống nhất giữa lập trường tư tưởng, phương pháp tiếp cận hiện thực và hình thức biểu đạt. Bốn đặc trưng nổi bật gồm: nhất quán về lập trường cách mạng và phục vụ nhân dân; hướng tới công chúng, sử dụng ngôn ngữ đại chúng; tổ chức thông tin cô đọng trên nền sự thật và chứng cứ; linh hoạt về thể loại, kết cấu và giọng điệu. Những đặc trưng này không tồn tại tách rời mà quy định lẫn nhau: mục đích vì nhân dân chi phối lựa chọn công chúng; công chúng định hướng ngôn ngữ và hình thức; chứng cứ bảo đảm sức thuyết phục; sự linh hoạt giúp thông điệp thích ứng với từng hoàn cảnh mà không thay đổi nền tảng tư tưởng.

Giá trị của di sản ấy đối với báo chí Việt Nam hiện nay không nằm ở việc mô phỏng một số cách dùng từ hoặc kết cấu quen thuộc, mà ở khả năng chuyển hóa thành nguyên tắc nghề nghiệp: giữ vững mục tiêu xã hội, hiểu công chúng trong chiều sâu, viết ngắn nhưng đủ căn cứ, kiểm chứng chặt chẽ, giải thích rõ ràng và đổi mới hình thức có trách nhiệm. Trong môi trường truyền thông số, khi tốc độ, thuật toán và cạnh tranh chú ý có thể làm suy giảm chiều sâu thông tin, những nguyên tắc này tiếp tục cung cấp một hệ quy chiếu để nhà báo và cơ quan báo chí đánh giá chất lượng sản phẩm cũng như trách nhiệm của mình trước công chúng.

Giới hạn của bài viết là sử dụng mẫu văn bản có chủ đích và chưa đo lường mức độ vận dụng các nguyên tắc trên tại những tòa soạn cụ thể. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng ngữ liệu theo thời kỳ, thể loại và ngôn ngữ; đồng thời khảo sát quy trình sản xuất tại các cơ quan báo chí số để kiểm nghiệm sâu hơn giá trị ứng dụng của phong cách báo chí Hồ Chí Minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Chí Nghĩa (Chủ biên). (2014). *Nhà báo và sáng tạo báo chí trong tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

2. Hà Minh Đức. (2000). *Sự nghiệp báo chí và văn học của Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Giáo dục.

3. Hồ Chí Minh. (2011). *Hồ Chí Minh toàn tập* (Tập 1-15, xuất bản lần thứ ba). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật.

4. Nguyễn Thành. (2005). *Sự nghiệp báo chí của Chủ tịch Hồ Chí Minh* (Tái bản lần thứ ba). Nhà xuất bản Lý luận chính trị.